TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2017/HSST
Ngày: 15/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Chiến

2. Ông Hoàng Đức Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Phương Đông - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần A (tên gọi khác: Trần T - T đen) sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông Trần Đ (đã chết) và bà Trần Đ1;

Vợ: Nông T;

Con: Có 01 con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ ngày 30/3/2017, tạm giam từ ngày 02/4/2017 tại nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong vụ án khác đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

Ông: Dương H, sinh năm 1965.

Trú tại: Số 26, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh M, sinh ngày 09/5/2001.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 611, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Trú tại: Số 76 P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người giám hộ: Bà Đinh X, sinh năm 1985.

Trú tại: Số 76 P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Hoàng T, sinh năm 1992.

Trú tại: Số 5/8, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần A (Trần T- T đen) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần A là bạn của Dương H1, sinh năm 1986, con trai của Dương H, sinh năm 1965, cùng trú tại số 26, đường N, phường T, thành phố L. Ngày 28/3/2017, A đến nhà H1 chơi, khi ra về A thấy trên nền nhà (cạnh cửa ra vào) có một chùm chìa khóa (trong đó có một chiếc chìa khóa của xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 12K7-5555 của ông H). A đã tháo lấy chiếc chìa khóa xe mô tô với mục đích khi có cơ hội sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô. Khoảng 15 giờ ngày 29/3/2017, A đến nhà ông H để trả chiếc bật lửa mà trước đó A mượn của H1 nhưng không gặp H1, A đã đưa chiếc bật lửa cho ông H. Khi ra về, A quan sát trước cửa nhà ông H có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xám đen, BKS 12K7-5555 không có người trông coi. Do có chìa khóa xe đã lấy trộm từ trước, A dùng chiếc chìa khóa mở khóa điện, nổ máy xe đi đến chơi điện tử tại quán internet N, số 92 đường P, phường V, thành phố L. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày A điều khiển xe đi đến đoạn gần cầu Đ, đường B, phường V, thành phố L thì dừng lại mở cốp xe ra kiểm tra thấy bên trong có một vỏ hộp đựng kính mắt màu đen và một chiếc áo mưa. A cầm vỏ hộp lên không thấy có gì bên trong nên đã vứt hộp kính xuống bên đường rồi điều khiển xe mô tô đến hiệu cầm đồ của Bùi C, sinh năm 1985, trú tại 19/4 đường B, phường V, thành phố L tại ki ốt 11, chợ P, phường H, thành phố L. A đã gặp và cầm cố chiếc xe mô tô cho Hoàng T, sinh năm 1992, trú tại 5/8 đường N, phường Đ, thành phố L là nhân viên của C. A nói với T đây là xe của mình nhưng quên mang giấy tờ, ngày hôm sau sẽ mang đăng ký xe cho T. Do tin tưởng A nên T đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô với số tiền là 4.500.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất trộm xe, ông Dương H đã viết đơn trình báo lên Công an thành phố L về việc mất trộm xe, trong cốp xe có 19.000.000 đồng và 01 chiếc kính mắt trị giá 25.000.000 đồng.

Ngày 11/5/2017, bà Đinh X sinh năm 1985, trú tại số 76 P, phường H, thành phố L và Đinh M, sinh năm 2001 là cháu của bà X ở cùng địa chỉ với bà X đến hiệu cầm đồ của C để tìm mua xe mô tô đã qua sử dụng cho M, Hoàng T đã bán chiếc xe mô tô BKS 12K7-5555 cho M với số tiền là 5.000.000 đồng. Đinh M đã trả cho T 4.500.000 đồng, còn nợ lại 500.000 đồng, Hoàng T hứa sẽ giao đăng ký xe mô tô cho M sau. Do không có đăng ký xe mô tô sợ bị Công an phát

hiện kiểm tra, Đinh M đã tháo biển kiểm soát của xe cho vào trong cốp. Khoảng 21 giờ ngày 13/5/2017, tại đường P (Khu vực cổng chợ Đ) thuộc phường V, thành phố L, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an thành phố L phát hiện Đinh M điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu sơn xám - đen, không gắn biển kiểm soát, kiểm tra trong cốp xe phát hiện 01 biển kiểm soát xe có dãy số 12K7-5555. Tổ công tác yêu cầu M xuất trình giấy tờ liên quan đến chiếc mô tô nhưng M không xuất trình được nên đã tạm giữ chiếc xe trên. Tại cơ quan điều tra, M khai nhận chiếc xe mô tô trên là xe M mua tại hiệu cầm đồ của C ngày 11/5/2017 với giá 5.000.000 đồng.

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 37/ĐGTSTT ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố L xác định: Chiếc xe mô tô BKS 12K7-5555 mà Trần A trộm cắp của ông Dương H trị giá 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 136/KSĐT ngày 16/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Trần A (Trần T) về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần A khai nhận: Ngày 28/3/2017, lợi dụng sự sơ sở của gia đình ông Dương H, Trần A đã đánh cắp chìa khóa xe mô tô Yamaha Jupiter BKS 12K7-5555 của ông H nhằm mục đích khi nào có cơ hội sẽ trộm cắp chiếc xe. Đến ngày 29/3/2017 khi đến nhà ông H, quan sát thấy chiếc xe dựng ở trước cửa nhà không có ai trông coi, Trần A liền lấy chìa khóa đã đánh cắp hôm trước, mở khóa điện rồi nổ máy, sau đó đem đến hiệu cầm đồ để cầm cố chiếc xe được 4.500.000 đồng. Số tiền cầm cố xe, A dùng chơi điện tử và ăn tiêu hết.

Người bị hại ông Dương H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Cơ quan điều tra ông H khai: Giữa ông H và bị cáo không quen biết nhau, ngày 29/3/2017 gia đình ông bị mất chiếc xe mô tô. Nay ông đã nhận lại chiếc xe và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần A phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 51; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần A từ 12 đến 18 tháng tù.

Tổng hợp với bản án số 50/2017/HSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản riêng.

Truy thu 4.500.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ.

Về bồi thường dân sự: Xác nhận ông Dương H, anh Đinh M, anh Hoàng T không yêu cầu bồi thường gì.

Về án phí: Buộc bị cáo phải phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo;

XÉT THẤY:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với đơn trình báo cũng như lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Ngày 29/3/2017 tại nhà ông Dương H ở số 26, đường N, phường T, thành phố L, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của gia đình ông H, Trần A đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, Biển kiểm soát 12K7-5555 của ông H. Kết quả định giá xác định chiếc xe có trị giá 5.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần A đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Việc truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây dư luận bất bình, phẫn nộ trong quần chúng, ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đã được xóa án tích.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo không phải phạm tội lần đầu nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt chỉ cho bị cáo hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, yếu tố về nhân thân, cần xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 05/7/2017 Trần A bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài

sản". Do vậy, cần áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2017 của Cơ quan điều tra Công an thành phố L xác định: Bị cáo Trần A không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại là ông Dương H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh M, anh Hoàng T không yêu cầu bồi thường gì. Hội đồng xét xử xác nhận.

- Đối với số tiền 4.500.000 đồng là tiền bị cáo Trần A có được khi cầm cố chiếc xe mô tô, đã ăn tiêu hết. Xác định đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước.

- Xác nhận: Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 12K7-5555 cho chủ sở hữu là ông Dương H.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với Hoàng T nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 12K7-5555 của A, bản thân không biết chiếc xe mô tô này là do A trộm cắp mà có. Do quen biết nể nang nên T đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên mà không có giấy tờ xe. Công an thành phố L xử phạt hành chính đối với T về hành vi "Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các giấy tờ đó" quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 11, Nghị định 167/NĐ-CP. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên không xem xét.

Đối với Đinh M là người mua chiếc xe mô tô BKS 12K7-5555 của T, bản thân không biết chiếc xe mô tô mình mua là xe trộm cắp, do xe không có giấy tờ lưu thông trên đường sợ bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện thu giữ nên M đã tháo biển số để trong cốp xe để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã cảnh cáo, nhắc nhở đối với M.

Đối với số tiền 19.000.000 đồng và chiếc kính mắt trị giá 25.000.000 đồng như trong đơn trình báo của ông Dương H, nhưng qua quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh Trần A lấy trộm những tài sản này, vì vậy không xử lý trong vụ án.

Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác đề nghị khi giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần A (Trần T - T đen) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần A 01 (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 50/2017/HSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Được trừ đi thời gian tạm giam 05 tháng 20 ngày. Bị cáo phải chấp hành tiếp 18 tháng 10 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Truy thu số tiền 4.500.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận người bị hại là ông Dương H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đinh M, anh Hoàng T không yêu cầu bồi thường gì.

- Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 12K7-5555 cho chủ sở hữu là ông Dương H.

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố L;
- Công an thành phố L;
- THADS thành phố L;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Sinh